

THÔNG SỐ KỸ THUẬT (SPECIFICATIONS)		Số lượng lốp, cỡ lốp/trục (Number of tires, Tire size/axle)
Công thức bánh xe: 4x2 <i>(Wheel formula)</i>	1575/1565 (mm) <i>(Wheel tread)</i>	1; 2; P215/60R16
Kích thước bao (Overall dimensions): <i>(Inside dimensions of cargo deck)</i>	4805x1820x1470 (mm) <i>(Wheel base)</i>	2; 2; P215/60R16
Kích thước lòng thùng xe: <i>(Overall dimensions of cargo deck)</i>	2775 (mm) <i>(Wheel base)</i>	Số phiếu kiểm định (Inspection Report No)
Khả năng cách trục (Wheel base): <i>(Kerb mass)</i>	1500 (kg) <i>(Design/Authorized cargo pay mass)</i>	3301S-05153/25
Khối lượng bản thân (Kerb mass): <i>(Design/Authorized towed mass)</i>	1970/1970 (kg) <i>(Design/Authorized total mass)</i>	Hà Nội, ngày 16 tháng 4 năm 2025 (Issued on: Day/Month/Year)
Khối lượng hàng CC theo TK/CP LN: <i>(Design/Authorized cargo pay mass)</i>	2494 cm3 <i>(Engine model)</i>	CƠ SỞ ĐĂNG KIỂM (INSPECTION CENTER)
Khối lượng kéo theo TK/CP LN: <i>(Design/Authorized towed mass)</i>	126kW/6000rpm <i>(Maximum engine output/rpm)</i>	HÀ NỘI
Khối lượng toàn bộ theo TK/CP LN: <i>(Design/Authorized total mass)</i>	Ngoài: 4 Đứng: 0 Năm: 0 <i>(Permissible No of Pers carried, not include driver: seating, standing, lying)</i>	LÃNH ĐẠO ĐIỀU HÀNH KIỂM ĐỊNH
Số người cho phép chở (không bao gồm người lái) <i>(Permissible No of Pers carried, not include driver: seating, standing, lying)</i>	Loại động cơ đốt trong (Engine type): 4 xi lanh thẳng hàng	Đoàn Ngọc Linh
Loại động cơ đốt trong (Engine type): 4 xi lanh thẳng hàng	Ký hiệu (Engine model): 2AR-FE 4KY4XL	
- Thể tích làm việc (Engine Displacement):	- Công suất lớn nhất/tốc độ quay: <i>(Maximum engine output/rpm)</i>	PT lắp thiết bị giám sát hành trình (Equipped with Tachograph)
- Loại nhiên liệu (Fuel): Xăng	- Loại động cơ điện:	Có lắp thiết bị ghi nhận hình ảnh người lái xe (Equipped with camera)
- Số lượng, ký hiệu: <i>(Number of motors, motor model)</i>	- Điện áp/ Tổng CS đồng cơ điện: <i>(Voltage/ Total rated power of motors)</i>	PT không được cấp tem KD (Vehicle not issued with inspection stamp)
- Điện áp/ Tổng CS đồng cơ điện:	- Loại ác quy (Battery type):	Ghi chú (Notes): Biển đăng ký nền trắng
- Điện áp/dung lượng ác quy (Voltage/Capacity):		

(No.) VA-0414257 6774C261

CHỦ XE, LÁI XE CẦN BIẾT
Vehicle owners, drivers should be aware of the following:

- Khi tham gia giao thông phải mang theo Chứng nhận kiểm định. Nộp lại Chứng nhận kiểm định và Tem kiểm định khi có thông báo thu hồi của các Cơ sở đăng kiểm.
- Vehicle operators must carry the inspection certificate while in traffic. Return the inspection certificate and inspection sticker when receiving a withdrawal notice from the Inspection Centers.
- Không sử dụng Chứng nhận kiểm định, Tem kiểm định bị sửa chữa, tẩy xóa nội dung và làm giả.
- Do not use inspection certificates or inspection stickers that have been altered, erased, or forged.
- Phải bảo dưỡng, sửa chữa để bảo đảm duy trì tình trạng kỹ thuật của phương tiện; chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật đối với hành vi đưa phương tiện không bảo đảm an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường tham gia giao thông đường bộ.
- Perform maintenance and repairs to maintain the vehicle's technical condition; legally liable for operating a vehicle that fails to meet technical safety and environmental protection requirements to participate in road traffic.
- Không cải tạo trái phép; cố ý can thiệp làm sai lệch chỉ số trên đồng hồ báo quãng đường đã chạy; cắt, hàn, tẩy xóa, đục sứt, đóng lại trái phép số khung, số động cơ.
- Do not conduct unauthorized vehicle modifications; intentionally alter the odometer; or illegally cut, weld, erase, tamper with, or re-stamp the chassis number or engine number.
- Không tự ý can thiệp, thay đổi phần mềm điều khiển của xe, động cơ của xe đã được đăng ký với cơ quan quản lý nhằm mục đích gian lận kết quả kiểm định; Không thuê, mượn phụ tùng chi để thực hiện việc kiểm định.
- Do not independently interfere with or alter the vehicle's control software or engine registered with regulatory authorities to manipulate inspection results; do not rent or borrow parts solely for inspection purposes.
- Chứng nhận kiểm định, Tem kiểm định không còn hiệu lực khi xe bị tai nạn giao thông đến mức không đảm bảo an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường.
- The inspection certificate and inspection sticker are no longer valid if the vehicle is involved in a traffic accident to the extent that it no longer meets technical safety and environmental protection requirements.

BỘ XÂY DỰNG
CỤC ĐĂNG KÝ VIỆT NAM
MOC – Vietnam Register

Nº: VA 0414257

CHỨNG NHẬN KIỂM ĐỊNH
AN TOÀN KỸ THUẬT VÀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
XE CƠ GIỚI

PERIODICAL INSPECTION CERTIFICATE
OF MOTOR VEHICLE FOR COMPLIANCE WITH TECHNICAL SAFETY
AND ENVIRONMENTAL PROTECTION REQUIREMENTS

Biển đăng ký: 30F-709.02 Số quản lý PT: 3301S-020288
(Registration plate) (Vehicle inspection No.)

Nhóm phương tiện (Vehicle's group): ô tô chở người đến 8 chỗ

Loại phương tiện: ô tô con
(Vehicle's type)

☐ Sử dụng năng lượng sạch, năng lượng xanh, thân thiện môi trường
(Clean, green energy vehicle)

Cho phép tự động hoá ☐ Một phần ☐ Toàn phần
(Allows automation) (Partially) (Fully)

Nhãn hiệu, tên thương mại: TOYOTA
(Trademark, Commercial name)

Mã kiểu loại (Model code): CAMRY LE

Số động cơ (Engine No): 2ARD053756

Số khung (Chassis No): 4T1BF3EK3AU025046

Năm, Nước sản xuất: 2009, Mỹ
(Production year, Country)

Có kinh doanh vận tải (Commercial) ☐ Có cầu tào (Modification): ☐

Niên hạn sử dụng:
(Lifetime limit to)

Tên chủ xe (Owner's full name):

CTCP VT VÀ DV PETROLIMEX HÀ TÂY
Địa chỉ (Address):

Km17, Quốc Lộ 6, Đồng Mai, HĐ, HN
Nhãn hiệu (Brand): TOYOTA

Loại xe (Type): Ô tô con

Màu sơn (Color): Đen

Tải trọng: Hàng hoá:

Đăng ký xe có giá trị đến ngày

kg; Số chỗ ngồi (Sit): 3; đứng (Stand): năm (Lie):

Hà Nội, ngày (date) 11 tháng 10 năm 2019

Biển số đăng ký (N^o Plate) (T)

30F-709.02

Đăng ký lần đầu ngày:

Date of first registration

22/10/2009

TRƯỞNG PHÒNG
HƯƠNG LIA Đinh Thanh Phúc